

Số 07 /BCB-BV

Đông Hưng, ngày 05 tháng 01 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Lãnh đạo Sở Y tế tỉnh Hưng Yên.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng.

Số giấy phép hoạt động 000140/SYT-GPHĐ, cơ quan cấp : Sở Y tế ngày 18 tháng 08 năm 2025.

Địa chỉ: Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Phạm Văn Cải.

Điện thoại liên hệ: 02273.851.211.Email: bvdkdonghung@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

a) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh bác sỹ, bao gồm:

- Bác sỹ Y khoa
- Bác sỹ Y học cổ truyền
- Bác sỹ Phục hồi chức năng.
- Bác sỹ Y học dự phòng
- Bác sỹ Răng hàm mặt.
- Bác sỹ chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu, Nội khoa, Nhi khoa, Ngoại, Phụ sản, Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh.

b) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh y sỹ, bao gồm:

- Y sỹ đa khoa

- Y sỹ Y học cổ truyền
- c) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh điều dưỡng.
- d) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh hộ sinh.
- e) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh kỹ thuật y:
 - Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học.
 - Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học.
 - Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng.
- f) Dược sỹ Đại học.
- g) Dược sỹ Trung cấp, Cao đẳng.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: giảng viên và người hướng dẫn thực hành là bác sỹ, dược sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y có chứng chỉ hành nghề và có thâm niên công tác trên 36 tháng (phụ lục kèm theo).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có) : không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: tối đa 05 học viên/ 01 người trong cùng thời gian.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

STT	Ngành đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Đơn giá một tháng (VNĐ)	Thành tiền khóa đào tạo (VNĐ)
1	Bác sỹ Y khoa	12	1.200.000	14.400.000
2	Bác sỹ Y học cổ truyền	12	1.200.000	14.400.000
3	Bác sỹ Y học dự phòng	12	1.200.000	14.400.000
4	Bác sỹ Phục hồi chức năng	12	1.200.000	14.400.000
5	Bác sỹ Răng- Hàm-Mặt	12	1.200.000	14.400.000
6	Bác sỹ chuyên khoa	9	1.200.000	10.800.000
7	Điều dưỡng	6	900.000	5.400.000
8	Hộ sinh	6	900.000	5.400.000
9	Kỹ thuật y	6	900.000	5.400.000
10	Y sỹ	9	900.000	8.100.000
11	Dược sỹ đại học	24	600.000	14.400.000
12	Dược sỹ cao đẳng	18	600.000	10.800.000

Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Lãnh đạo Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Bệnh viện trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban lãnh đạo BV;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT. *skh*

GIÁM ĐỐC



Phạm Tín Trung



PHỤ LỤC

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản Công bố số 07 /BCB-BV ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện về việc công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành)

STT	Họ tên	Số GPHN	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn Theo Giấy phép hành nghề	Chức danh	Tên khoa /phòng chuyên môn
	Ngoại khoa					
1	Phạm Văn Cải	001736/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ CK1	Phó Giám đốc
2	Nguyễn Duy Quyền	000411/TB-CCHN	Bác sĩ CKII	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	Bác sĩ CK2	Phó Giám đốc
3	Mã Văn Tuyến	006123/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại- Chấn thương;	Bác sĩ CKI; Phụ trách khoa Phó trưởng khoa	Khoa Ngoại tổng hợp
4	Nguyễn Gia Khánh	007577/TB-CCHN	Bác sĩ CK1	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại;	Bác sĩ CK1	Khoa Ngoại tổng hợp
5	Nguyễn Văn Tiền	009284/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp
	Nội khoa					
6	Nguyễn Anh Tuấn	000105/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sĩ CK1	Phó Giám đốc

7	Nguyễn Thị Thúy Kiều	006806/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ CKI	Phòng Kế hoạch tổng hợp
8	Bùi Thị Hiền	0005392/TB- CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	Bác sĩ CKI	Trưởng Khoa Nội tổng hợp
9	Nguyễn Thị Hồng Vân	005920/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp
10	Nguyễn Văn Tuấn	007259/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp
11	Nguyễn Thị Huệ	009203/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ	Nội tổng hợp
12	Nguyễn Thị Ngọc Mai	009877/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ	Nội tổng hợp
13	Đặng Tất Tinh	001748/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ CKI; Phó trưởng khoa Phụ trách khoa	Khoa Truyền Nhiễm
	Nhi khoa					
14	Nguyễn Thị Trang	0005395/TB- CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nhi	Bác sĩ CKI; Phụ trách khoa Phó trưởng khoa	khoa Nhi
15	Nguyễn Thị Huyền	009194/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	Bác sĩ	khoa Nhi
16	Hà Thị Nương	0005394/TB- CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	Bác sĩ CKI; Phó trưởng Khoa, Phụ trách	khoa Khám bệnh

	YHCT-PHCN					
17	Trần Thị Cẩm Vân	005652/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng.	Bác sĩ CKI; Phụ Trách Khoa	Khoa YHCT- PHCN
18	Đinh Văn Việt	007842/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền;	Bác sĩ	Khoa YHCT- PHCN
	Phụ sản					
19	Nguyễn Thị Mai Phương	008646/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sân, phụ khoa;	Bác sĩ CKI	Khoa Phụ sản
20	Trần Thị Thanh	007714/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sân phụ khoa;	Bác sĩ	Khoa Phụ sản
	CDHA					
21	Nguyễn Quang Phán	001327/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh;	Bác sĩ CKI	Trưởng khoa CDHA
22	Nguyễn Cao Tú	007163/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ CKI	CDHA
	Hồi sức cấp cứu					
23	Nguyễn Duy Tân	007256/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ	Khoa CC- HSCC-CD
24	Vũ Thị Toàn	010394/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	Bác sĩ	Khoa CC- HSCC-CD
25	Đỗ Tiến Quyết	010460/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	Bác sĩ; Phụ trách khoa	Khoa CC- HSCC-CD
	Tai mũi họng					
26	Vũ Đăng Quyết	001745/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng;	Bác sĩ CKI; Trưởng khoa	Tai mũi họng

27	Phạm Huy Khoảng	009009/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng;	Bác sĩ	Tai mũi họng
	Răng hàm mặt					
28	Đào Thị Thúy Diệp	001755/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt;	Bác sĩ CKI	Phụ trách khoa Răng hàm mặt
	Mắt					
29	Nguyễn Bá Trọng	0005391/TB-CCHN	Bác sĩ CKI	Khám chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Bác sĩ CKI; Phụ trách khoa phó trưởng khoa	Phụ trách khoa Mắt
30	Phạm Băng Linh	008064/TB-CCHN	Bác sĩ	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ	Mắt
	Điều dưỡng					
31	Đặng Thị Phú	0002436/QNI-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng Trường khoa	Khoa CC-HSCC-CD
32	Bùi Thị Hoài Thu	0005398/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015.;	Điều dưỡng	Khoa CC-HSCC-CD

33	Phí Thị Lanh	001757/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Nội tổng hợp
34	Hứa Thị Hậu	001771/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng	Nội tổng hợp
35	Bùi Thị Hương	001798/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng; Điều dưỡng Trưởng	Khám bệnh
36	Mai Thị Thu	0004983/TB-CCHN	Điều dưỡng CKI	Quy định Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Điều dưỡng CKI	Phòng điều dưỡng
37	Nguyễn Thị Thúy	001762/TB-CCHN	Điều dưỡng CKI	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng CKI; Trưởng phòng	Phòng điều dưỡng
38	Phạm Thanh Thủy	001780/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành	Điều Dưỡng Trưởng	Khoa Truyền Nhiễm

				tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;		
39	Nguyễn Thị Lệ Quyên	001761/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng trưởng	khoa YHCT- PHCN
40	Tạ Thị Tươi	001773/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều Dưỡng Trưởng	Khoa Nhi
41	Nguyễn Thị Hằng	001772/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp
42	Hoàng Thị Nhung	001775/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng trưởng	khoa Tai mũi họng
43	Trương Thị Hương	001783/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng	khoa Tai mũi họng

44	Phạm Thanh Tùng	001796/TB-CCHN;	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.; 531/QĐ-SYT: Điều dưỡng nha khoa	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Răng hàm mặt
45	Đào Thị Mến	001802/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.;	Điều dưỡng	Răng hàm mặt
46	Nguyễn Thị Ngát	001765/TB-CCHN	Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. ;	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Mắt
	Hộ sinh					
47	Vũ Thị Oanh	001821/TB-CCHN	Nữ hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh ;	Nữ hộ sinh	Khoa Phụ sản

48	Nguyễn Thị Yên	001822/TB-CCHN	Nữ hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh ;	Nữ hộ sinh	Khoa Phụ sản
49	Nguyễn Thị Hải Huế	001827/TB-CCHN	Nữ hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh ;	Nữ hộ sinh	Khoa Phụ sản
	Kỹ thuật Y					
50	Nhâm Thị Thanh Hải	0004348/TB-CCHN	Kỹ thuật y	Thực hiện phạm vi chuyên môn của Kỹ thuật y phục hồi chức năng;	Kỹ thuật y	khoa YHCT-PHCN
51	Vũ Thị Thúy	0005407/TB-CCHN	Kỹ thuật y CKI	Chuyên khoa xét nghiệm;	Kỹ thuật y CKI; Trưởng Khoa	Vi Sinh
52	Nguyễn Xuân Thường	001807/TB-CCHN	Kỹ thuật y	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của Kỹ thuật y xét nghiệm;	Kỹ thuật y;Kỹ thuật y trưởng khoa	Vi sinh
53	Nguyễn Duy Vương	001811/TB-CCHN	Kỹ thuật y	Chuyên khoa xét nghiệm;	Kỹ thuật y	Vi sinh
54	Phạm Thị Hòa	001804/TB-CCHN	Kỹ thuật y; CKI	Chuyên khoa xét nghiệm;	Kỹ thuật y; CKI; Trưởng khoa	Khoa Xét nghiệm

55	Vũ Viết Quyền	001805/TB-CCHN	Kỹ thuật y	Chuyên khoa xét nghiệm;	Kỹ thuật y Trưởng khoa	Khoa Xét nghiệm
	Dược sĩ					
56	Vũ Thị Thoan	000777/TB-CCHND	Dược sĩ CKI	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc;	Dược sĩ CKI	Phụ trách khoa Dược
57	Bùi Thị Duyên	1890/CCHN-D-SYT-TB	Dược sĩ	Đủ điều kiện hành nghề với các vị trí hành nghề sau: Nhà thuốc;	Dược sĩ	Dược
58	Nguyễn Thị Cúc	001947/CCHND-SYT-TB	Dược sĩ CKI	Đủ điều kiện hành nghề với các vị trí hành nghề sau: Nhà thuốc; Phụ trách công tác dược lâm sàng;	Dược sĩ CKI	Phó trưởng phòng TC- HC

YH